

sức khỏe (food supplements hoặc dietary supplements), bao gồm, hoặc, một hoặc nhiều vitamin, khoáng chất, axit amin, chất cô đặc, chất chiết xuất, chất phân lập hoặc các chất tương tự có trong thực phẩm hoặc loại tổng hợp của các chất đó, được đóng gói như thực phẩm bổ sung cho chế độ ăn uống bình thường. Nhóm này bao gồm các sản phẩm như vậy có hoặc không chứa chất làm ngọt, chất màu, hương liệu, chất tạo mùi, chất mang, chất độn, chất ổn định hoặc các chất hỗ trợ kỹ thuật khác. Những sản phẩm như vậy thường được đóng gói trong bao bì có chỉ dẫn cho thấy chúng giữ sức khỏe nói chung, cải thiện thành tích thể thao, ngăn ngừa sự thiếu hụt dinh dưỡng hoặc điều chỉnh các mức dinh dưỡng dưới chuẩn.

Các chế phẩm này không chứa đủ lượng thành phần hoạt tính để mang lại hiệu quả điều trị hoặc phòng ngừa các bệnh tật trừ tình trạng thiếu hụt dinh dưỡng liên quan. Các chế phẩm khác có lượng thành phần hoạt tính đủ để mang lại tác dụng điều trị hoặc phòng ngừa một căn bệnh cụ thể bị **loại trừ (nhóm 30.03 hoặc 30.04)**.

(17) Các chế phẩm ở dạng hạt hoặc bột gồm đường, hương liệu hoặc chất màu (ví dụ chiết xuất thực vật hoặc một số loại quả hoặc cây như cam, phúc bồn đen, ...), chất chống oxy hóa (ví dụ axit ascorbic hoặc axit citric hoặc cả hai), các chất bảo quản,..., loại được sử dụng để chế biến đồ uống. Tuy nhiên, các chế phẩm có đặc tính của đường thuộc **nhóm 17.01 hoặc 17.02**, tùy trường hợp.

Nhóm này cũng **không bao gồm**:

- (a) Các chế phẩm được chế biến từ quả, quả hạch (nut) hoặc các phần ăn được của cây thuộc nhóm 20.08, với điều kiện là đặc tính cơ bản của các chế phẩm được tạo bởi quả, quả hạch (nut) hoặc các phần ăn được của cây khác (**nhóm 20.08**).
- (b) Vi sinh vật thuộc nhóm 21.02 được đóng gói như thực phẩm bảo vệ sức khỏe (food supplements) dùng cho người (**nhóm 21.02**).
- (c) Các chế phẩm có chứa ca cao, được đóng gói như thực phẩm bảo vệ sức khỏe thích hợp để sử dụng cho người (**nhóm 18.06**).
- (d) Kẹo cao su có chứa nicotin (**nhóm 24.04**).

## Chương 22

### Đồ uống, rượu và giấm

#### Chú giải.

1.- Chương này không bao gồm:

- (a) Các sản phẩm của Chương này (trừ các sản phẩm của nhóm 22.09) được chế biến cho mục đích nấu nướng và không phù hợp để làm đồ uống (thường ở nhóm 21.03);
- (b) Nước biển (nhóm 25.01);
- (c) Nước cất hoặc nước khử độ dẫn hay các loại nước

supplements or dietary supplements, consisting of, or based on, one or more vitamins, minerals, amino acids, concentrates, extracts, isolates or the like of substances found within foods, or synthetic versions of such substances, put up as a supplement to the normal diet. It includes such products whether or not also containing sweeteners, colours, flavours, odoriferous substances, carriers, fillers, stabilisers or other technical aids. Such products are often put up in packaging with indications that they maintain general health or well-being, improve athletic performance, prevent possible nutritional deficiencies or correct sub-optimal levels of nutrients.

These preparations do not contain a sufficient quantity of active ingredients to provide therapeutic or prophylactic effect against diseases or ailments other than the relevant nutritional deficiencies. Other preparations with a sufficient quantity of active ingredient to provide a therapeutic or prophylactic effect against a specific disease or ailment are **excluded (heading 30.03 or 30.04)**.

(17) Preparations in the form of granules or powders consisting of sugar, flavouring or colouring matter (e.g., plant extracts or certain fruits or plants such as orange, blackcurrant, etc.), antioxidants (e.g., ascorbic acid or citric acid or both), preserving agents, etc., of a kind used for making beverages. However, preparations which have the character of sugar fall in **heading 17.01 or 17.02**, as the case may be.

The heading further **excludes**:

- (a) Preparations made from fruit, nuts or other edible parts of plants of heading 20.08. **provided** that the essential character of the preparations is given by such fruit, nuts or other edible parts of plants (**heading 20.08**).
- (b) Micro-organisms of heading 21.02 put up as food supplements for human consumption (**heading 21.02**).
- (c) Preparations containing cocoa, put up as food supplements for human consumption (**heading 18.06**).
- (d) Chewing gum containing nicotine (**heading 24.04**).

## Chapter 22

### Beverages, spirits and vinegar

#### Notes.

1.- This Chapter does not cover:

- (a) Products of this Chapter (other than those of heading 22.09) prepared for culinary purposes and thereby rendered unsuitable for consumption as beverages (generally heading 21.03);
- (b) Sea water (heading 25.01);
- (c) Distilled or conductivity water or water of similar

tinh khiết tương tự (nhóm 28.53);

(d) Axit axetic có nồng độ axit axetic trên 10% tính theo khối lượng (nhóm 29.15);

(e) Dược phẩm thuộc nhóm 30.03 hay 30.04; hoặc

(f) Các chế phẩm nước hoa hoặc chế phẩm vệ sinh (Chương 33).

2.- Theo mục đích của Chương này và các Chương 20 và 21, "nồng độ cồn tính theo thể tích" sẽ được xác định ở nhiệt độ 20°C.

3.- Theo mục đích của nhóm 22.02, khái niệm "đồ uống không chứa cồn" có nghĩa là các loại đồ uống có nồng độ cồn không quá 0,5% tính theo thể tích. Đồ uống có cồn được xếp vào các nhóm thích hợp từ 22.03 đến 22.06 hoặc nhóm 22.08.

#### Chú giải phân nhóm.

1.- Theo mục đích của phân nhóm 2204.10, khái niệm "rượu vang nổ" (1) là loại rượu khi bảo quản ở nhiệt độ 20°C trong thùng kín, có mức áp suất vượt từ 3 bars trở lên.

### TỔNG QUÁT

Các sản phẩm thuộc Chương này hoàn toàn khác biệt với các thực phẩm đã được nêu trong các Chương trước của Danh mục.

Chúng chia thành 4 loại chính:

(A) Nước và các đồ uống không chứa cồn khác và nước đá.

(B) Đồ uống có cồn đã lên men (bia, rượu vang, rượu táo,...).

(C) Đồ uống và chất lỏng có chứa cồn được chưng cất (rượu mùi, rượu mạnh, ...) và cồn ethyl.

(D) Giấm ăn và các sản phẩm thay thế giấm.

Chương này **không bao gồm**:

(a) Các sản phẩm sữa dạng lỏng của **Chương 4**.

(b) Các sản phẩm của Chương này (**trừ** các sản phẩm thuộc **nhóm 22.09**) đã được chế biến để dùng trong nấu nướng (ví dụ: rượu vang và Cognac dùng để nấu nướng) và vì thế không phù hợp để làm đồ uống (thường thuộc **nhóm 21.03**).

(c) Dược phẩm thuộc **nhóm 30.03** hoặc **30.04**.

(d) Các sản phẩm nước hoa hoặc chế phẩm vệ sinh (toilet preparation) (**Chương 33**).

**22.01 - Nước, kể cả nước khoáng tự nhiên hoặc nhân tạo và nước có ga, chưa pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác hay hương liệu; nước đá và tuyết.**

2201.10 - Nước khoáng và nước có ga

2201.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm:

(A) **Nước tự nhiên thông thường**: bao gồm tất cả các loại nước thường tự nhiên (**trừ** nước biển - xem

purity (heading 28.53);

(d) Acetic acid of a concentration exceeding 10 % by weight of acetic acid (heading 29.15);

(e) Medicaments of heading 30.03 or 30.04; or

(f) Perfumery or toilet preparations (Chapter 33).

2.- For the purposes of this Chapter and of Chapters 20 and 21, the "alcoholic strength by volume" shall be determined at a temperature of 20 °C.

3.- For the purposes of heading 22.02, the term "non-alcoholic beverages" means beverages of an alcoholic strength by volume not exceeding 0.5 % vol. Alcoholic beverages are classified in headings 22.03 to 22.06 or heading 22.08 as appropriate.

#### Subheading Note.

1.- For the purposes of subheading 2204.10, the expression "sparkling wine" means wine which, when kept at a temperature of 20 °C in closed containers, has an excess pressure of not less than 3 bars.

### GENERAL

The products of this Chapter constitute a group quite distinct from the foodstuffs covered by the preceding Chapters of the Nomenclature.

They fall into four main groups:

(A) Water and other non-alcoholic beverages and ice.

(B) Fermented alcoholic beverages (beer, wine, cider, etc.).

(C) Distilled alcoholic liquids and beverages (liqueurs, spirits, etc.) and ethyl alcohol.

(D) Vinegar and substitutes for vinegar.

This Chapter **does not cover**:

(a) Liquid dairy products of **Chapter 4**.

(b) Products of this Chapter (**other than** those of **heading 22.09**) prepared for culinary purposes and thereby rendered unsuitable for consumption as beverages (e.g., cooking wines and cooking Cognac) (generally **heading 21.03**).

(c) Medicaments of **heading 30.03** or **30.04**.

(d) Perfumery or toilet preparations (**Chapter 33**).

**22.01 - Waters, including natural or artificial mineral waters and aerated waters, not containing added sugar or other sweetening matter nor flavoured; ice and snow.**

2201.10 - Mineral waters and aerated waters

2201.90 - Other

This heading covers:

(A) **Ordinary natural water** of all kinds (**other than** sea water - see **heading 25.01**). Such waters remain in

**nhóm 25.01).** Các loại nước này có thể đã hoặc chưa được lọc sạch, **trừ** nước cất hoặc nước khử độ dẫn và các loại nước tinh khiết tương tự thuộc **nhóm 28.53.**

Nhóm này **không bao gồm** các loại nước đã được làm ngọt hoặc đã pha hương liệu (**nhóm 22.02).**

(B) **Nước khoáng:** là các loại nước khoáng thiên nhiên hay nước khoáng nhân tạo.

**Nước khoáng thiên nhiên** là loại nước có chứa muối khoáng hoặc có ga. Thành phần của các loại nước này rất khác nhau, nên thường được phân loại theo các đặc tính hoá học của các loại muối trong chúng, ví dụ:

- (1) Các loại nước có kiềm.
- (2) Các loại nước có sunfat.
- (3) Các loại nước có hợp chất halogen và một nguyên tố hoặc gốc khác (halide water).
- (4) Các loại nước có lưu huỳnh.
- (5) Các loại nước có arsen.
- (6) Các loại nước có sắt.

Các loại nước khoáng thiên nhiên này có thể cũng chứa carbon dioxide tự nhiên hoặc được bổ sung vào.

**Nước khoáng nhân tạo** đã qua chế biến từ nước uống thông thường bằng cách thêm vào các thành tố hoạt tính (muối khoáng hoặc ga) có trong nước khoáng tự nhiên tương ứng để tạo ra nước có đặc tính tương tự.

Nhóm này **loại trừ** nước khoáng (tự nhiên hoặc nhân tạo) đã được làm ngọt hoặc đã pha hương liệu (hương cam, chanh...) (**nhóm 22.02).**

(C) **Nước có ga (carbonated water),** nghĩa là, các loại nước uống thông thường đã được nạp khí carbon dioxide dưới áp suất. Các loại này thường được gọi là “nước sô đa” hay “nước vùng seltz” mặc dù nước vùng seltz thực sự lại là một loại nước khoáng tự nhiên.

Nhóm này **loại trừ** các loại nước có ga đã được làm ngọt hoặc đã pha hương liệu (**nhóm 22.02).**

(D) **Nước đá và tuyết,** có nghĩa là, nước đá và tuyết tự nhiên và nước được làm đông lạnh.

Nhóm này **loại trừ** kem ăn được thuộc **nhóm 21.05** và “tuyết axit carbonic” hoặc “nước đá khô” (tức là dioxyde carbone ở dạng rắn) (**nhóm 28.11).**

**22.02 - Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác hay hương liệu, và đồ uống không chứa cồn khác, không bao gồm nước quả ép hoặc nước rau ép thuộc nhóm 20.09.**

2202.10 - Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác hay hương liệu

- Loại khác:

2202.91 - - Bia không cồn

the heading, whether or not clarified or purified, **except** that distilled or conductivity water and water of similar purity are classified in **heading 28.53.**

The heading **excludes** sweetened or flavoured water (**heading 22.02).**

(B) **Mineral waters,** whether natural or artificial.

**Natural mineral waters** contain mineral salts or gases. The composition of these waters varies considerably and they are generally classified according to the chemical characteristics of their salts, e.g.:

- (1) Alkaline waters.
- (2) Sulphated waters.
- (3) Halide waters.
- (4) Sulphuretted waters.
- (5) Arsenical waters.
- (6) Ferruginous waters.

Such natural mineral waters may also contain natural or added carbon dioxide.

**Artificial mineral waters** are prepared from ordinary potable water by adding the active principles (mineral salts or gases) present in the corresponding natural waters so as to produce waters of the same properties.

The heading **excludes** sweetened or flavoured (orange, lemon, etc.) mineral waters (natural or artificial) (**heading 22.02).**

(C) **Aerated waters** (carbonated waters), i.e., ordinary potable waters charged with carbon dioxide gas under pressure. They are often called “soda waters” or “Seltzer” waters although true “Seltzer” water is a natural mineral water.

The heading **excludes** sweetened or flavoured aerated waters (**heading 22.02).**

(D) **Ice and snow,** i.e., natural snow and ice, and artificially frozen water.

The heading **excludes** edible ice of **heading 21.05** and “carbonic acid snow” or “dry ice” (i.e., solid carbon dioxide) (**heading 28.11).**

**22.02 - Waters, including mineral waters and aerated waters, containing added sugar or other sweetening matter or flavoured, and other non-alcoholic beverages, not including fruit, nut or vegetable juices of heading 20.09.**

2202.10 - Waters, including mineral waters and aerated waters, containing added sugar or other sweetening matter or flavoured

- Other:

2202.91 - - Non-alcoholic beer

2202.99 - - Loại khác

Nhóm này bao gồm các loại đồ uống không chứa cồn, như định nghĩa tại Chú giải 3 của Chương này, không được phân loại vào các nhóm khác, đặc biệt là **nhóm 20.09** hoặc **22.01**.

(A) **Nước, kể cả nước khoáng và nước có ga, đã pha thêm đường hoặc chất làm ngọt khác hoặc đã pha hương liệu.**

Nhóm này có thể kể đến:

(1) **Các loại nước khoáng (tự nhiên hoặc nhân tạo) đã được làm ngọt hoặc pha hương liệu.**

(2) **Các loại đồ uống như nước chanh, đồ uống có hương cam, nước cola**, bao gồm nước uống thông thường, được làm ngọt hoặc không, được tạo hương bằng nước ép hoặc tinh chất trái cây hoặc quả hạch (nut) hoặc bằng các chiết xuất hỗn hợp, đôi khi có pha thêm axit tartaric hoặc axit citric. Các loại nước này thường được tạo ga bằng cách cho thêm khí carbon dioxide, và thường được đóng chai hoặc trong các loại bao bì kín khí khác.

(B) **Bia không cồn.** Nhóm này bao gồm:

(1) Bia làm từ mạch nha, nồng độ cồn tính theo thể tích giảm xuống còn 0,5% hoặc ít hơn.

(2) Bia gừng và bia thảo mộc, có nồng độ cồn không quá 0,5% tính theo thể tích.

(3) Hỗn hợp bia và đồ uống không cồn (ví dụ, nước chanh), có nồng độ cồn không quá 0,5% tính theo thể tích.

(C) **Các loại đồ uống không có cồn khác, trừ nước quả ép và nước rau ép thuộc nhóm 20.09.**

Nhóm này có thể kể đến:

(1) **Mật hoa liễu bách (Tamarind nectar) đã được chế biến thành đồ uống** sau khi pha thêm nước, đường và lọc kỹ.

(2) **Một số đồ uống khác có thể được trực tiếp sử dụng, như các loại đồ uống có thành phần cơ bản là sữa và ca cao.**

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Sữa chua ở dạng lỏng và các loại sữa và kem đã lên men hoặc được làm chua khác, có chứa ca cao, quả hoặc hương liệu (**nhóm 04.03**).

(b) Xirô đường thuộc **nhóm 17.02** và xirô đường có thêm hương liệu thuộc **nhóm 21.06**.

(c) Các loại nước ép trái cây hoặc quả (hạch) hoặc nước rau ép, dùng **hay không được dùng làm đồ uống (nhóm 20.09)**.

(d) Dược phẩm thuộc **nhóm 30.03** hoặc **30.04**.

**22.03 - Bia sản xuất từ malt.**

Bia là một loại đồ uống có chứa cồn thu được từ quá trình lên men của nước hèm (wort) chế biến từ ngũ cốc ủ mạch nha (phổ biến nhất là lúa đại mạch hoặc

2202.99 - - Other

This heading covers non-alcoholic beverages, as defined in Note 3 to this Chapter, not classified under other headings, particularly **heading 20.09** or **22.01**.

(A) **Waters, including mineral waters and aerated waters, containing added sugar or other sweetening matter or flavoured.**

This group includes, *inter alia*:

(1) **Sweetened or flavoured mineral waters** (natural or artificial).

(2) **Beverages such as lemonade**, orangeade, cola, consisting of ordinary drinking water, sweetened or not, flavoured with fruit or nut juices or essences, or compound extracts, to which citric acid or tartaric acid are sometimes added. They are often aerated with carbon dioxide gas, and are generally presented in bottles or other airtight containers.

(B) **Non-alcoholic beer.** This group includes:

(1) Beer made from malt, the alcoholic strength of which by volume has been reduced to 0.5 % vol. or less.

(2) Ginger beer and herb beer, having an alcoholic strength by volume not exceeding 0.5 % vol.

(3) Mixtures of beer and non-alcoholic beverages (e.g., lemonade), having an alcoholic strength by volume not exceeding 0.5 % vol.

(C) **Other non-alcoholic beverages, not including fruit or vegetable juices of heading 20.09.**

This group includes, *inter alia*:

(1) **Tamarind nectar rendered ready for consumption as a beverage** by the addition of water and sugar and straining

(2) **Certain other beverages read for consumption**, such as those with a basis of milk and cocoa.

This heading **does not include**:

(a) Liquid yogurt and other fermented or acidified milk and cream containing cocoa, fruit or flavourings (**heading 04.03**).

(b) Sugar syrups of **heading 17.02** and flavoured sugar syrups of **heading 21.06**.

(c) Fruit, nut or vegetable juices, whether or not used as beverages (**heading 20.09**).

(d) Medicaments of **heading 30.03** or **30.04**.

**22.03 - Beer made from malt.**

Beer is an alcoholic beverage obtained by fermenting a liquor (wort) prepared from malted cereals (most commonly barley or wheat), water and (usually) hops.

lúa mì), nước và (thường) với hoa bia (houblon). Một lượng ngũ cốc chưa gâp malt nhất định (ví dụ: ngô hoặc lúa gạo) cũng có thể được sử dụng trong quá trình chế biến nước hèm (wort). Hoa bia (houblon) cho thêm vào tạo nên vị đắng và mùi thơm và có tác dụng bảo quản được sản phẩm tốt hơn. Quả anh đào hoặc một số chất tạo hương khác đôi khi được thêm vào bia trong quá trình lên men.

Đường (đặc biệt là glucoza), chất tạo màu, carbon dioxide và các chất khác có thể cũng được cho thêm vào.

Tuỳ theo các phương pháp lên men, các sản phẩm có thể là **bia lên men chìm** thu được ở nhiệt độ thấp với các loại men chìm (bottom yeast), hoặc **các loại bia lên men nổi**, thu được ở nhiệt độ cao hơn với các loại men nổi (top yeast).

Bia có thể có màu nhạt hoặc đậm, ngọt hoặc đắng, nhẹ hoặc nặng. Bia thường được đóng trong thùng (barrels), đóng chai hoặc hộp kín khí và cũng có thể bán trên thị trường với các loại tên gọi như: bia anh (ale), bia đen (stout)...

Nhóm này cũng bao gồm các loại bia cô đặc được chế biến từ bia chung cất chần không có độ cồn thấp (nhưng với hàm lượng chiết xuất malt cao) chỉ còn từ 1/5 đến 1/6 khối lượng ban đầu.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Một số đồ uống, mặc dù chúng đôi khi được gọi là bia, không có cồn (ví dụ: loại đồ uống thu được từ nước pha với đường caramen) (**nhóm 22.02**).

(b) Các loại đồ uống được gọi là bia không chứa cồn gồm bia sản xuất từ malt, có nồng độ cồn tính theo thể tích giảm từ 0,5% trở xuống (**nhóm 22.02**).

(c) Dược phẩm thuộc **nhóm 30.03** hoặc **30.04**.

#### **22.04- Rượu vang làm từ nho tươi, kể cả rượu vang cao độ; hèm nho trừ loại thuộc nhóm 20.09.**

2204.10 - Rượu vang nổ

- Rượu vang khác; hèm nho đã pha cồn để ngăn ngừa hoặc cản sự lên men

2204.21 - - Loại trong đồ đựng không quá 2 lít

2204.22 - - Loại trong đồ đựng trên 2 lít nhưng không vượt quá 10 lít

2204.29 - - Loại khác

2204.30 - Hèm nho khác

#### **(I) Rượu vang chế biến từ nho tươi**

Rượu vang được phân loại trong nhóm này phải là sản phẩm cuối cùng từ quá trình lên men rượu của hèm nho tươi.

Nhóm này bao gồm:

(1) **Rượu vang thông thường** (vang đỏ, hồng hoặc trắng).

Certain quantities of non-malted cereals (e.g., maize (corn) or rice) may also be used for the preparation of the liquor (wort). The addition of hops imparts a bitter and aromatic flavour and improves the keeping qualities. Cherries or other flavouring substances are sometimes added during fermentation.

Sugar (particularly glucose), colouring matter, carbon dioxide and other substances may also be added.

According to the fermenting process employed, the products may be **bottom fermentation beer**, obtained at a low temperature with bottom yeasts, or **top fermentation beer**, obtained at a higher temperature with top yeasts.

Beer may be pale or dark, sweet or bitter, mild or strong. It may be put up in barrels, bottles or in airtight tins and may be marketed as ale, stout, etc.

This heading also covers concentrated beer prepared by vacuum-condensing beer of low alcoholic strength (but with a high content of malt extract) to between one fifth and one sixth of its original volume.

The heading **does not cover**:

(a) Certain beverages which, although they are sometimes described as beers, do not contain alcohol (e.g., beverages prepared from water and caramelised sugar) (**heading 22.02**).

(b) Beverages called non-alcoholic beer consisting of beer made from malt, the alcoholic strength of which by volume has been reduced to 0.5 % vol or less (**heading 22.02**).

(c) Medicaments of **heading 30.03** or **30.04**.

#### **22.04 - Wine of fresh grapes, including fortified wines; grape must other than that of heading 20.09.**

2204.10 - Sparkling wine

- Other wine; grape must with fermentation prevented or arrested by the addition of alcohol:

2204.21 - - In containers holding 2 l or less

2204.22 - - In containers holding more than 2 l but not more than 10 l

2204.29 - - Other

2204.30 - Other grape must

#### **(I) Wine of fresh grapes**

The wine classified in this heading is the final product of the alcoholic fermentation of the must of fresh grapes.

The heading includes:

(1) **Ordinary wines** (red, white or *rosé*).

(2) **Rượu vang được làm cao độ với cồn.**

(3) **Rượu vang nổ.** Các loại rượu vang này được nạp thêm khí carbon dioxide, hoặc từ quá trình lên men cuối cùng trong bình kín (các loại rượu vang nổ chính hiệu), hoặc bằng cách nạp thêm khí nhân tạo sau khi đóng chai (các loại vang có ga).

(4) **Các loại rượu vang ngọt tráng miệng (đôi khi được gọi là rượu vang mùi).** Các loại này có nồng độ cồn cao và thường thu được từ hèm có lượng đường cao, chỉ một phần của lượng đường này được chuyển hoá thành cồn trong khi lên men. Trong một số trường hợp các loại này được làm cao độ bằng cách cho thêm cồn, hoặc thêm hèm cô đặc pha thêm cồn. Các loại rượu vang ngọt tráng miệng (hoặc rượu mùi) này có thể kể đến canary, cyprus, lacryma christi, madeira, malaga, malmsey, marsala, port, samos và sherry.

Nhóm này **không bao gồm:**

(a) Các loại đồ uống có thành phần cơ bản là rượu vang thuộc **nhóm 22.05.**

(b) Dược phẩm thuộc **nhóm 30.03** hoặc **30.04.**

(II) **Hèm nho**

Hèm nho, thu được từ quá trình ép nho tươi, là một chất lỏng màu vàng xanh nhạt, có vân, có vị ngọt. Loại này chứa dung dịch gồm hỗn hợp các loại đường (glucoza và fructoza), các axit (tartaric, malic,...), các chất có chứa albumin, các chất khoáng và các chất nhầy và các thành phần tạo nên hương vị đặc trưng của rượu vang.

Hèm nho, trừ khi bị kim hãm, lên men một cách tự nhiên (các loại đường được chuyển hóa thành cồn); sản phẩm cuối cùng của quá trình lên men này là rượu vang.

Có thể kiềm chế xu hướng lên men tự nhiên của hèm nho bằng quá trình gọi là đình chỉ lên men (mutage), hoặc là để cản sự lên men hoặc là để ngừng hẳn quá trình lên men.

Quá trình đình chỉ lên men hèm nho (mutage) có thể được tiến hành bằng nhiều cách khác nhau:

(1) Bằng sử dụng tác động của axit salicylic hoặc của một số chất diệt khuẩn khác.

(2) Bằng cách cho vào hèm nho dioxide lưu huỳnh.

(3) Bằng cách pha thêm cồn. Dòng sản phẩm này thường được uống ngay như rượu vang mà không cần qua công đoạn xử lý nào khác nữa. Một số khác, được gọi là hèm nho đã ngưng lên men, được sử dụng để sản xuất rượu vang mùi và rượu khai vị...

(4) Bằng cách làm lạnh.

Nên lưu ý rằng loại này bao gồm hèm nho đã lên men một phần, đã hoặc chưa được ngưng quá trình lên men, cũng như hèm nho chưa lên men, có thêm cồn, cả hai loại sản phẩm này đều có nồng độ cồn theo thể tích trên 0,5%.

Nhóm này **không bao gồm** các loại nước ép nho và

(2) **Wines fortified with alcohol.**

(3) **Sparkling wines.** These wines are charged with carbon dioxide, either by conducting the final fermentation in a closed vessel (sparkling wines proper), or by adding the gas artificially after bottling (aerated wines).

(4) **Dessert wines (sometimes called liqueur wines).** These are rich in alcohol and are generally obtained from must with a high sugar content, only part of which is converted to alcohol by fermentation. In some cases they are fortified by the addition of alcohol, or of concentrated must with added alcohol. Dessert (or liqueur) wines include, *inter alia*, Canary, Cyprus, Lacryma Christi, Madeira, Malaga, Malmsey, Marsala, Port, Samos and Sherry.

The heading **does not cover:**

(a) Beverages with a basis of wine of **heading 22.05.**

(b) Medicaments of **heading 30.03** or **30.04.**

(II) **Grape must**

Grape must, obtained by pressing fresh grapes, is a greenish-yellow, cloudy liquid with a sweet flavour. It contains in solution a mixture of sugars (glucose and fructose), acids (tartaric, malic, etc.), albuminous, mineral and mucilaginous substances and the aromatic principles which give the wine its characteristic aroma and flavour.

Grape must, unless prevented, ferments spontaneously (the sugars being converted into alcohol); the end-product of this fermentation is wine.

The natural tendency of must to ferment can be inhibited by the process known as mutage which may either retard fermentation or arrest it completely.

Mutage may be effected in different ways:

(1) By the action of salicylic acid or other antiseptics.

(2) By impregnating the must with sulphur dioxide.

(3) By adding alcohol. This type of product is often consumed as a wine without further processing. Others, known as mistelles, are used in the manufacture of liqueur wines and aperitifs, etc.

(4) By refrigeration.

It should be noted that this group covers grape must partially fermented, whether or not fermentation has been arrested, as well as unfermented grape must, with alcohol added, both having an alcoholic strength by volume exceeding 0.5 % vol.

The heading **excludes** grape juice and grape must,

hèm nho, đã hoặc chưa cô đặc, chưa lên men hoặc có nồng độ cồn theo thể tích không quá 0,5% (**nhóm 20.09**).

**22.05 - Rượu Vermouth và rượu vang khác làm từ nho tươi đã pha thêm hương liệu từ thảo mộc hoặc chất thơm.**

2205.10 - Loại trong đồ đựng không quá 2 lít

2205.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm các loại đồ uống (thường được dùng làm rượu khai vị hoặc rượu bổ), được sản xuất từ rượu vang nho tươi thuộc nhóm 22.04, và được tạo hương bằng pha chế các phần của cây (lá, rễ, quả...) hoặc các chất thơm.

Nhóm này có thể cũng bao gồm các loại đồ uống trên đã được cho thêm vitamin hoặc hợp chất sắt.

Các loại sản phẩm này đôi khi được gọi là các sản phẩm "thực phẩm bảo vệ sức khỏe (food supplements)" được dùng vào bồi bổ sức khỏe.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Rượu vang thu được từ nho khô và được pha chế với các loại cây hoặc các chất có hương (**nhóm 22.06**).

(b) Dược phẩm thuộc **nhóm 30.03** hoặc **30.04**.

**22.06 - Đồ uống đã lên men khác (ví dụ, vang táo, vang lê, vang mật ong, rượu sa kê); hỗn hợp của đồ uống đã lên men và hỗn hợp của đồ uống đã lên men với đồ uống không chứa cồn, chưa chi tiết hay ghi ở nơi khác.**

Nhóm này bao gồm tất cả các loại đồ uống đã lên men **trừ** các loại đã được nêu ở **các nhóm từ 22.03 đến 22.05**.

Nhóm này có thể kể đến:

(1) **Vang táo**, là loại đồ uống có cồn thu được từ quá trình lên men của nước ép táo.

(2) **Vang lê**, là loại đồ uống được lên men tương tự như vang táo thu được từ nước ép lê.

(3) **Vang mật ong**, là loại đồ uống thu được từ quá trình lên men của dung dịch mật ong pha với nước. (Nhóm này bao gồm *hydromel vineux* - vang mật ong có pha thêm rượu vang trắng, hương liệu và một số chất khác.)

(4) **Vang nho khô**.

(5) **Vang thu được từ việc lên men nước ép trái cây hoặc quả hạch (nut)**, trừ loại nước ép nho tươi (rượu vang sung, chà là hoặc bách xù), hoặc từ nước ép rau, có nồng độ cồn theo thể tích trên 0,5%.

(6) **"Malt lên men (malton)"**, loại đồ uống đã lên men được chế biến từ chiết xuất malt và bã rượu vang.

(7) **Vân sam (spruce)**, một loại đồ uống được làm từ các loại lá hoặc nhánh nhỏ của cây linh sam hoặc từ tinh chất cây vân sam.

whether or not concentrated, unfermented or having an alcoholic strength by volume not exceeding 0.5 % vol (**heading 20.09**).

**22.05 - Vermouth and other wine of fresh grapes flavoured with plants or aromatic substances.**

2205.10 - In containers holding 2 l or less

2205.90 - Other

This heading includes a variety of beverages (generally used as aperitives or tonics) made with wine of fresh grapes of heading 22.04, and flavoured with infusions of plant substances (leaves, roots, fruits, etc.) or aromatic substances.

It may also include the above types of beverages which contain added vitamins or iron compounds.

These products which are sometimes referred to as "food supplements" are designed to maintain general health or well-being.

The heading **does not cover**:

(a) Wines obtained from dried grapes and prepared with aromatic plants or substances (**heading 22.06**).

(b) Medicaments of **heading 30.03** or **30.04**.

**22.06 - Other fermented beverages (for example, cider, perry, mead, saké); mixtures of fermented beverages and mixtures of fermented beverages and non-alcoholic beverages, not elsewhere specified or included.**

This heading covers all fermented beverages **other than** those in **headings 22.03 to 22.05**.

It includes *inter alia*:

(1) **Cider**, an alcoholic beverage obtained by fermenting the juice of apples.

(2) **Perry**, a fermented beverage somewhat similar to cider made with the juice of pears.

(3) **Mead**, a beverage prepared by fermenting a solution of honey in water. (The heading includes *hydromel vineux* - mead containing added white wine, aromatics and other substances.)

(4) **Raisin wine**.

(5) **Wines obtained by the fermentation of fruit or nut juices**, other than juice of fresh grapes (fig, date or berry wines), or of vegetable juices, with an alcoholic strength by volume exceeding 0.5 % vol.

(6) **"Malton"**, a fermented beverage prepared from malt extract and wine lees.

(7) **Spruce**, a beverage made from leaves or small branches of the spruce fir or from spruce essence.

(8) **Rượu sa kê hoặc rượu vang làm từ gạo.**

(9) **Vang cọ**, được chế từ nhựa của một số cây cọ.

(10) **Bia gừng và bia thảo mộc**, được chế biến từ đường và nước và gừng hoặc một số loại thảo dược, được lên men bằng men.

Tất cả các loại đồ uống trên có thể có ga tự nhiên hoặc được nạp thêm carbon dioxide. Chúng được phân loại trong nhóm này khi được làm cao độ cồn hoặc khi lượng cồn được tăng lên do quá trình lên men thêm, với điều kiện là chúng vẫn giữ được đặc tính của các sản phẩm thuộc nhóm này.

Nhóm này cũng bao gồm các hỗn hợp của đồ uống không chứa cồn và đồ uống đã lên men và hỗn hợp đồ uống đã lên men thuộc các nhóm trước của Chương 22, thí dụ: hỗn hợp nước chanh với bia hoặc rượu vang, hỗn hợp bia với rượu vang, có nồng độ cồn theo thể tích trên 0,5%.

Một số đồ uống có thể đã được cho thêm vitamin hoặc hợp chất sắt. Các loại sản phẩm này đôi khi được gọi là các sản phẩm "thực phẩm bảo vệ sức khỏe (food supplements)" được dùng để bồi bổ sức khỏe.

Nhóm này **không bao gồm** các loại nước ép quả (táo, lê,...) và các loại đồ uống khác có nồng độ cồn theo thể tích không quá 0,5% (các nhóm **20.09** và **22.02** tương ứng).

**22.07 - Cồn etylic chưa biến tính có nồng độ cồn từ 80% trở lên tính theo thể tích; cồn etylic và rượu mạnh khác, đã biến tính, ở mọi nồng độ.**

2207.10 - Cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn từ 80% trở lên tính theo thể tích

2207.20 - Cồn ê-ti-lích và rượu mạnh khác, đã biến tính, ở mọi nồng độ

**Cồn ê-ti-lích** không được phân loại cùng các loại rượu mạch hở khác thuộc nhóm 29.05 nhưng bị loại trừ khỏi Chương 29 theo chú giải 2(b) của Chương 29.

Nhóm này bao gồm:

(1) Cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn tính theo thể tích từ 80% trở lên.

(2) Cồn ê-ti-lích và rượu mạnh khác, đã biến tính, ở mọi nồng độ.

Đồ uống đã lên men và các loại đồ uống có rượu chứa cồn ê-ti-lích thu được từ việc lên men một số loại đường bằng men hoặc các cách lên men khác. Cồn ê-ti-lích chưa biến tính thuộc các nhóm 22.07 hoặc 22.08 được sản xuất khi một sản phẩm được lên men được xử lý bằng các quy trình thanh lọc tiếp theo (ví dụ, chưng cất, lọc,...) đến mức mà các đặc tính sản phẩm được lên men bị mất đi, tạo ra một chất lỏng trong, không màu, không ga biểu hiện chỉ ở mùi và vị của cồn ê-ti-lích. Cồn ê-ti-lích có thể cũng được sản xuất bằng cách tổng hợp.

(8) **Saké or rice wine.**

(9) **Palm wine**, prepared from the sap of certain palm trees.

(10) **Ginger beer and herb beer**, prepared from sugar and water and ginger or herbs, fermented with yeast.

All these beverages may be either naturally sparkling or artificially charged with carbon dioxide. They remain classified in the heading when fortified with added alcohol or when the alcohol content has been increased by further fermentation, provided that they retain the character of products falling in the heading.

This heading also covers mixtures of non-alcoholic beverages and fermented beverages and mixtures of fermented beverages of the foregoing headings of Chapter 22, e.g., mixtures of lemonade and beer or wine, mixtures of beer and wine, having an alcoholic strength by volume exceeding 0.5 % vol.

Some of these beverages may also contain added vitamins or iron compounds. These products which are sometimes referred to as "food supplements" are designed to maintain general health or well-being.

This heading **excludes** fruit or nut juices (apple, pear, etc.) and other beverages having an alcoholic strength by volume not exceeding 0.5 % vol (**headings 20.09** and **22.02** respectively).

**22.07 - Undenatured ethyl alcohol of an alcoholic strength by volume of 80 % vol or higher; ethyl alcohol and other spirits, denatured, of any strength.**

2207.10 - Undenatured ethyl alcohol of an alcoholic strength by volume of 80 % vol or higher

2207.20 - Ethyl alcohol and other spirits, denatured, of any strength

**Ethyl alcohol** is not classified with the other acyclic alcohols of heading 29.05 but is excluded from Chapter 29 by Note 2 (b) to that Chapter.

The heading covers:

(1) Undenatured ethyl alcohol of an alcoholic strength by volume of 80 % vol or higher.

(2) Ethyl alcohol and other spirits, denatured, of any strength.

Fermented beverages and spirituous beverages contain ethyl alcohol obtained by the fermentation of certain kinds of sugar by means of yeast or other ferments. Undenatured ethyl alcohol of headings 22.07 or 22.08 is produced when a fermented product is treated by subsequent purification processes (e.g., distillation, filtration, etc.) such that its characteristics as a fermented product are lost, producing a clear, colourless, non-sparkling liquid exhibiting only the smell and taste of ethyl alcohol. Ethyl alcohol may also be produced synthetically.

**Cồn ê-ti-lích và rượu mạnh khác, đã biến tính**, là các loại rượu mạnh được trộn với các chất làm cho chúng không thích hợp để uống nhưng không ảnh hưởng đến việc sử dụng trong công nghiệp. Các chất làm biến tính được sử dụng ở mỗi nước một khác tùy theo luật pháp quốc gia. Chúng bao gồm naphtha gỗ, methanol, acetone, pyridine, hydrocarbon thơm (benzene, vv), chất tạo màu.

Nhóm này cũng bao gồm các loại **rượu mạnh trung tính**, tức là cồn ê-ti-lích có chứa nước mà trong đó một số thành phần phụ (các loại cồn bậc cao, ester, aldehyde, axit,...) có mặt trong lần chưng cất đầu tiên hầu như được loại bỏ bằng các quá trình thanh lọc (ví dụ, chưng cất phân đoạn).

Cồn ê-ti-lic được sử dụng cho nhiều mục đích công nghiệp, ví dụ, như dung môi trong sản xuất hóa chất, vecni..., để chiếu sáng hoặc làm nóng, để chế biến đồ uống có cồn.

Nhóm này **không bao gồm**:

(a) Cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn theo thể tích dưới 80% (**nhóm 22.08**).

(b) Rượu mạnh khác (trừ loại đã biến tính) (**nhóm 22.08**).

(c) Các nhiên liệu ở dạng rắn và bán rắn có thành phần cơ bản là cồn (thường được bán trên thị trường với tên gọi là “cồn đóng rắn”) (**nhóm 36.06**).

**22.08 - Cồn etylic chưa biến tính có nồng độ cồn dưới 80% tính theo thể tích; rượu mạnh, rượu mùi và đồ uống có rượu khác.**

2208.20 - Rượu mạnh thu được từ cất rượu vang nho hoặc bã nho

2208.30 - Rượu whisky

2208.40 - Rượu rum và rượu mạnh khác được cất từ các sản phẩm mía đường lên men

2208.50 - Rượu gin và rượu Geneva

2208.60 - Rượu vodka

2208.70 - Rượu mùi

2208.90 - Loại khác

Nhóm này bao gồm các loại rượu **với bất cứ nồng độ cồn nào**:

(A) **Rượu mạnh** thu được bằng việc chưng cất rượu vang nho, vang táo hoặc các loại đồ uống đã được lên men khác hoặc ngũ cốc hoặc các sản phẩm thực vật khác đã lên men, không thêm hương liệu; chúng vẫn thuộc nhóm này, toàn bộ hoặc một phần, các thành phần phụ (ester, aldehyde, axit, các loại cồn bậc cao,...) tạo cho rượu mạnh có hương vị và mùi thơm đặc trưng riêng.

(B) **Rượu mùi**, là loại đồ uống có nồng độ cồn cao, mà trong đó người ta thường cho thêm đường, mật ong hoặc chất tạo ngọt tự nhiên khác và các chiết xuất hoặc tinh chất (ví dụ, các đồ uống có cồn được sản xuất bằng cách chưng cất, hoặc pha trộn, cồn ê-ti-lích

**Ethyl alcohol and other spirits, denatured**, are spirits mixed with substances to render them unfit for drinking but not to prevent their use for industrial purposes. The denaturants used vary in different countries according to national legislation. They include wood naphtha, methanol, acetone, pyridine, aromatic hydrocarbons (benzene, etc.), colouring matter.

This heading also covers **neutral spirits**, i.e., ethyl alcohol containing water from which the secondary constituents (higher alcohols, esters, aldehydes, acids, etc.) present in the first distillate have been almost completely removed by purification processes (e.g., fractional distillation).

Ethyl alcohol is used for many industrial purposes, e.g., as a solvent in the manufacture of chemicals, varnishes, etc., for heating or lighting, for the preparation of spirituous beverages.

The heading **does not cover**:

(a) Undenatured ethyl alcohol of an alcoholic strength by volume of less than 80 % vol (**heading 22.08**).

(b) Other spirits (unless denatured) (**heading 22.08**).

(c) Solid or semi-solid fuels with a basis of alcohol (often sold as “solidified alcohol”) (**heading 36.06**).

**22.08 - Undenatured ethyl alcohol of an alcoholic strength by volume of less than 80 % vol; spirits, liqueurs and other spirituous beverages.**

2208.20 - Spirits obtained by distilling grape wine or grape mare

2208.30 - Whiskies

2208.40 - Rum and other spirits obtained by distilling fermented sugar-cane products

2208.50 - Gin and Geneva

2208.60 - Vodka

2208.70 - Liqueurs and cordials

2208.90 - Other

The heading covers, **whatever their alcoholic strength**:

(A) **Spirits** produced by distilling wine, cider or other fermented beverages or fermented grain or other vegetable products, without adding flavouring; they retain, wholly or partly, the secondary constituents (esters, aldehydes, acids, higher alcohols, etc.) which give the spirits their peculiar individual flavours and aromas.

(B) **Liqueurs** and **cordials**, being spirituous beverages to which sugar, honey or other natural sweeteners and extracts or essences have been added (e.g., spirituous beverages produced by distilling, or by mixing, ethyl alcohol or distilled spirits, with one or more of the

hoặc các loại rượu mạnh được chưng cất, với một hoặc nhiều loại sau đây: quả, hoa hay các thành phần khác của cây, chiết xuất, tinh chất, tinh dầu hoặc các loại nước ép đã hoặc chưa được cô đặc). Các sản phẩm này cũng bao gồm rượu mùi có chứa tinh thể đường, rượu mùi nước ép trái cây, rượu trứng, rượu thảo mộc, rượu quả mọng, rượu gia vị, rượu trà, rượu sôcôla, rượu sữa và rượu mật ong.

**(C) Tất cả các loại đồ uống có nồng độ cồn cao khác không thuộc** bất cứ nhóm nào trước đó trong Chương này.

Với điều kiện là chúng có **nồng độ cồn dưới 80% tính theo thể tích**, nhóm này cũng bao các loại rượu mạnh chưa biến tính (còn ê-ti-lích và các loại rượu trung tính), trái với các sản phẩm được nêu ở các phần (A), (B) và (C) trên đây, ở chỗ nó được đặc trưng bởi việc thiếu các thành phần phụ tạo hương vị hoặc mùi thơm. Các loại rượu này vẫn thuộc nhóm này dù cho chúng được dùng để uống hay để phục vụ cho công nghiệp.

Ngoài cồn ê-ti-lích chưa biến tính có nồng độ cồn dưới 80% theo thể tích, nhóm này có thể kể đến:

(1) Rượu mạnh thu được từ việc chưng cất rượu vang nho hoặc từ bã nho (Cognac, armagnac, brandy, grappa, pisco, singani,...).

(2) Rượu whisky và các loại rượu mạnh khác thu được bằng việc chưng cất hèm rượu của hạt ngũ cốc (đại mạch, yến mạch, mạch đen, lúa mì, ngô,...).

(3) Rượu mạnh thu được từ việc chưng cất các sản phẩm đã lên men của mía đường (nước ép mía đường, xirô mía đường, mật mía đường), ví dụ, rượu rum, tafia, cachaca.

(4) Các loại đồ uống có cồn được biết tới dưới tên gọi là rượu gin hoặc rượu Geneva, có chứa các thành phần hương liệu của quả bách xù.

(5) Rượu vodka thu được từ việc chưng cất hèm đã lên men của các sản phẩm nông nghiệp (ví dụ, ngũ cốc, khoai tây) và đôi khi được tiếp tục xử lý bằng than hoạt tính hoặc carbon.

(6) Các loại đồ uống có cồn (thường được gọi là rượu mùi), như anisette (thu được từ cây hồi xanh và hoa hồi dạng sao), curacao, (được sản xuất với vỏ cam đắng), kummel (được tạo hương bằng hạt ca-rum hoặc hạt thì là Ai cập).

(7) Các loại rượu mùi được gọi cremes. Sở dĩ được gọi như vậy vì độ đặc hoặc màu của rượu, các loại rượu này thường có nồng độ cồn thấp và rất ngọt (ví dụ, rượu kem cacao, chuối, vani, cà phê). Nhóm này cũng bao gồm cả rượu mạnh gồm thể nhũ tương của rượu mạnh với các sản phẩm như lòng đỏ trứng hoặc với kem.

(8) Rượu mùi ratafia. Đây là các loại rượu mùi thu được từ các loại nước ép quả; chúng thường được pha thêm một lượng nhỏ các chất thơm (rượu mùi ratafia anh đào, phúc bồn đen, phúc bồn tử, mơ...).

(9) Rượu mạnh (Aquavit) và các đồ uống có nồng độ

following: fruits, flowers or other parts of plants, extracts, essences, essential oils or juices, whether or not concentrated). These products also include liqueurs and cordials containing sugar crystals, fruit juice liqueurs, egg liqueurs, herb liqueurs, berry liqueurs, spice liqueurs, tea liqueurs, chocolate liqueurs, milk liqueurs and honey liqueurs.

**(C) All other spirituous beverages not falling** in any preceding heading of this Chapter.

Provided that **their alcoholic strength by volume is less than 80 % vol**, the heading also covers undenatured spirits (ethyl alcohol and neutral spirits) which, contrary to those at (A), (B) and (C) above, are characterised by the absence of secondary constituents giving a flavour or aroma. These spirits remain in the heading whether intended for human consumption or for industrial purposes.

In addition to undenatured ethyl alcohol of an alcoholic strength by volume of less than 80 % vol, the heading includes, *inter alia*:

(1) Spirits obtained by distilling grape wine or grape mare (Cognac, Armagnac, brandy, grappa, pisco, singani, etc.).

(2) Whiskies and other spirits obtained by distilling fermented mash of cereal grains (barley, oats, rye, wheat, corn, etc.).

(3) Spirits-obtained exclusively by distilling fermented products of the sugar cane (sugar-cane juice, sugar-cane syrup, sugar-cane molasses), e.g., rum, tafia, cachaca.

(4) Spirituous beverages known as gin or Geneva, containing the aromatic principles of juniper berries.

(5) Vodka obtained by distilling fermented mash of agricultural origin (e.g., cereals, potatoes) and sometimes further treated with activated charcoal or carbon.

(6) Spirituous beverages (generally known as liqueurs), such as anisette (obtained from green anise and badian), curacao, (manufactured with the peel of the bitter orange), kummel (flavoured with caraway or cumin seeds).

(7) The liqueurs known as “cremes”, because of their consistency or colour. They are generally of relatively low alcoholic content and very sweet (for example, creams of cocoa, bananas, vanilla, coffee). The heading also covers spirits consisting of emulsions of spirit with products such as egg yolk or cream.

(8) Ratafias. These are kinds of liqueurs obtained from fruit juice; they often contain a small quantity of added aromatic substances (ratafias of cherries, of black currants, of raspberries, of apricots, etc.).

(9) Aquavit and other spirituous beverages obtained by

cồn cao khác thu được từ quá trình chưng cất cồn với trái cây hoặc các phần khác của cây hoặc thảo mộc.

(10) Rượu mạnh thu được từ vang táo (calvados), từ mận (mận vàng (mirabelle), mận quít (quetsch)), từ anh đào (rượu anh đào) hoặc từ một số quả khác.

(11) Rượu arrack, rượu mạnh thu được từ gạo hoặc từ rượu vang cọ.

(12) Rượu mạnh thu được từ việc chưng cất nước ép quả minh quyết đã lên men.

(13) Các loại rượu khai vị có chứa cồn (rượu absinth (ngải đắng), rượu đắng...) **trừ** các loại có thành phần cơ bản là rượu vang từ nho tươi được phân loại vào **nhóm 22.05**.

(14) Nước chanh có cồn (không phải được phẩm).

(15) Các loại nước ép trái cây hoặc quả hạch (nut) hoặc ép rau đã pha thêm cồn và có nồng độ cồn trên 0,5% tính theo thể tích, **trừ** các sản phẩm thuộc **nhóm 22.04**.

(16) Các loại đồ uống có nồng độ cồn cao, đôi khi được gọi là "thực phẩm bảo vệ sức khỏe (food supplements)" được dùng để bồi bổ sức khỏe. Chúng có thể, ví dụ, được chế từ các chiết xuất cây, chất cô đặc của quả, từ lecithin, từ hoá chất,..., và được cho thêm vitamin hoặc hợp chất sắt.

(17) Các loại đồ uống được chế để mô phỏng rượu vang bằng cách trộn rượu mạnh đã chưng cất với nước ép trái cây hoặc quả hạch (nut) và/hoặc với nước, đường, chất tạo màu, hương liệu hoặc một số thành phần khác, **trừ** các sản phẩm thuộc **nhóm 22.04**.

(18) Rượu mạnh thu được từ chưng cất mật củ cải đường lên men.

Tuy nhiên, nhóm này **không bao gồm**:

(a) Rượu vermouth và các loại rượu khai vị khác có thành phần cơ bản là rượu vang nho tươi (**nhóm 22.05**).

(b) Cồn ê-ti-lích và rượu mạnh khác, đã biến tính (ở mọi nồng độ), hoặc cồn ê-ty-lích chưa biến tính có nồng độ cồn từ 80% trở lên tính theo thể tích (**nhóm 22.07**).

**22.09 - Giấm và chất thay thế giấm làm từ axit axetic.**

#### (I) GIẤM

Giấm là một chất lỏng axit thu được từ quá trình lên men axetic khi được để ra ngoài không khí và ở một nhiệt độ ổn định thông thường không vượt quá 20°C đến 30°C, của tất cả các loại chất lỏng có cồn hoặc của một số dung dịch có đường hoặc có tinh bột sau khi đã qua quá trình lên men rượu, dưới tác động của vi khuẩn giấm *Mycoderma aceti* hoặc acetobacter.

Nhóm này bao gồm các loại giấm sau, được phân biệt theo nguồn gốc của chúng:

(1) **Giấm làm từ rượu vang**. Đó là một dung dịch có

distilling alcohol with fruits or other parts of plants or herbs.

(10) Spirits obtained from cider (calvados), from plums (mirabelle, quetsch), from cherries (kirsch) or other fruits.

(11) Arrack, spirits obtained from rice or palm wine.

(12) Spirits obtained by distillation of the fermented juice of locust beans.

(13) Alcoholic aperitives (absinth, bitters, etc.) **other than** those with a basis of wine of fresh grapes which fall in **heading 22.05**.

(14) Alcoholic lemonade (unmedicated).

(15) Fruit, nut or vegetable juices containing added alcohol and of an alcoholic strength by volume exceeding 0.5 % vol, **other than** products of **heading 22.04**.

(16) Spirituous beverages, sometimes referred to as "food supplements", designed to maintain general health or well-being. They may, for example, be based on extracts from plants, fruit concentrates, lecithins, chemicals, etc., and contain added vitamins or iron compounds.

(17) Beverages formulated to simulate wine by mixing distilled spirits with fruit or nut juice and/or water, sugar, colouring, flavouring or other ingredients, **other than** products of **heading 22.04**.

(18) Spirits obtained by distilling fermented sugar beet molasses.

The heading **does not**, however, **include**:

(a) Vermouths, and other aperitives with a basis of wine of fresh grapes (**heading 22.05**).

(b) Ethyl alcohol and other spirits, denatured (of any strength), or undenatured ethyl alcohol of an alcoholic strength by volume of 80 % vol or higher (**heading 22.07**).

**22.09 - Vinegar and substitutes for vinegar obtained from acetic acid.**

#### (I) VINEGAR

Vinegar is an acid liquid obtained by the acetic fermentation in the presence of air and at a constant temperature generally not exceeding 20 °C to 30 °C, of alcoholic liquids of any source or of various sugar or starch solutions having undergone alcoholic fermentation, under the action of vinegar bacteria *Mycoderma aceti* or acetobacter.

The heading includes the following varieties of vinegar, distinguished according to their origin:

(1) **Wine vinegar**. This is pale yellow to red in colour

màu vàng nhạt đến màu đỏ tùy theo loại rượu vang được chế biến; nó có một hương vị đặc biệt (*bouquet*) nhờ vào sự tồn tại, ví dụ, của các este có trong rượu vang.

(2) **Giấm làm từ bia hoặc từ malt; giấm làm từ vang táo, vang lê hoặc từ các loại quả đã lên men khác.** Các loại giấm này thường có màu vàng nhạt.

(3) **Giấm làm từ rượu mạnh,** không có màu ở trạng thái tự nhiên.

(4) **Giấm làm từ các loại hạt ngũ cốc, mật, khoai tây đã thủy phân, lactoserum,....**

## (II) CÁC CHẤT THAY THẾ GIẤM

Các chất thay thế giấm thu được từ việc pha loãng axit axetic với nước. Chúng thường được tạo màu bằng caramen hoặc bằng một số chất tạo màu hữu cơ khác (xem phần loại trừ (a) dưới đây).

\*

\* \*

Giấm và các chất thay thế giấm được sử dụng để ướp gia vị hoặc bảo quản thực phẩm. Chúng có thể được tạo hương bằng thực vật như hương ngải thơm (*tarragon*) hoặc cho thêm gia vị.

Nhóm này **không bao gồm:**

(a) Các dung dịch nước có chứa axit axetic với tỉ trọng trên 10% (**nhóm 29.15**). Tuy nhiên, nội dung chú giải 1 (d) của Chương 22, không áp dụng đối với các dung dịch cùng chủng loại có nồng độ axit axetic thường là từ 10 đến 15% theo trọng lượng, đã được tạo hương hoặc tạo màu để sử dụng trong thực phẩm làm chất thay thế giấm nên chúng vẫn thuộc nhóm này.

(b) Dược phẩm thuộc **nhóm 30.03** hoặc **30.04**.

(c) Các loại giấm dùng trong vệ sinh (**nhóm 33.04**).

## Chương 23

### Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn gia súc đã chế biến

#### Chú giải.

1. Nhóm 23.09 kể cả các sản phẩm dùng trong chăn nuôi động vật, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác, thu được từ quá trình chế biến nguyên liệu gốc thực vật hoặc động vật đến mức các nguyên liệu đó mất hết tính chất cơ bản của nguyên liệu ban đầu, trừ các phế liệu thực vật, phế thải thực vật và các sản phẩm phụ từ quá trình chế biến đó.

#### Chú giải phân nhóm.

1.- Theo mục đích của phân nhóm 2306.41, khái niệm “hạt cải dầu (rape seeds hoặc colza seeds) có hàm lượng axit erucic thấp” có nghĩa là các loại hạt đã được định nghĩa trong Chú giải Phân nhóm 1 của Chương 12.

## TỔNG QUÁT

Chương này bao gồm rất nhiều loại phế liệu và phế

according to the type of wine from which it is prepared; it has a special *bouquet* due to the presence, e.g., of wine esters.

(2) **Beer or malt vinegar; cider, perry or other fermented fruit vinegars.** These are generally yellowish in colour.

(3) **Spirit vinegar,** colourless in its natural state.

(4) **Vinegar obtained from cereal grains, molasses, hydrolysed potatoes, lactoserum, etc.**

## (II) SUBSTITUTES FOR VINEGAR

Substitutes for vinegar are obtained by diluting acetic acid with water. They are often coloured with caramel or other organic colouring substances (see also exclusion (a) below).

\*

\* \*

Vinegar and substitutes for vinegar which are used to flavour or pickle foodstuffs, may themselves be flavoured with vegetables such as tarragon or contain added spices.

The heading **does not include:**

(a) Aqueous solutions containing more than 10 % by weight of acetic acid (**heading 29.15**). However, the provisions of Note 1 (d) to Chapter 22 do not apply to such solutions, usually containing 10 to 15 % by weight of acetic acid, which have been flavoured or coloured for use with foodstuffs as substitutes for vinegar; these remain in this heading.

(b) Medicaments of **heading 30.03** or **30.04**.

(c) Toilet vinegars (**heading 33.04**).

## Chapter 23

### Residues and waste from the food industries; prepared animal fodder

#### Note.

1.- Heading 23.09 includes products of a kind used in animal feeding, not elsewhere specified or included, obtained by processing vegetable or animal materials to such an extent that they have lost the essential characteristics of the original material, other than vegetable waste, vegetable residues and by-products of such processing.

#### Subheading Note.

1.- For the purposes of subheading 2306.41, the expression “low erucic acid rape or colza seeds” means seeds as defined in Subheading Note 1 to Chapter 12.

## GENERAL

This Chapter covers the various residues and wastes